

Tủ sách
VĂN HỌC
TRONG NHÀ TRƯỜNG

BẠCH CỬ DỊ TỶ BÀ HÀNH

TS. HỒ SĨ HIỆP
(*Biên soạn*)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

Tỳ Bà Hành

琵琶行 白居易

Tác Giả: **Bạch Cư Dị**

Phan Huy Thực dịch

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

琵琶行并序



元和十年，予左迁九江郡司马。明年秋，送客湓浦口，闻舟中夜弹琵琶者，听其音，铮铮然有京都声。问其人，本长安倡女，尝学琵琶于穆、曹二善才，年长色衰，委身为贾人妇。遂命酒，使快弹数曲。曲罢悯然，自叙少小时欢乐事，今漂沦憔悴，转徙于江湖间。予出官二年，恬然自安，感斯人言，是夕始觉有迁谪意。因为长句，歌以赠之，凡六百一十六言，名曰琵琶行。

Lời Tựa Tỳ Bà Hành – Nguyễn Hữu Vinh dịch

Nguyên Hoà thập niên, dư tử thiên Cửu Giang quận Tư mã. Minh niên thu, tổng khách Bồn phổ khẩu, văn thuyền trung dạ đàn tỳ bà giả, thính kỳ âm, tranh tranh nhiên hữu kinh đô thanh; vấn kỳ nhân, bản Trường An xướng nữ, thường học tỳ bà ư Mục, Tào nhị thiện tài. Niên trưởng sắc suy, uỷ thân vi cổ nhân phụ. Toại mệnh tửu, sử khoái đàn sổ khúc, khúc bãi mẫn nhiên. Tự tự thiếu tiểu thời hoan lạc sự, kim phiêu luân tiều tụy, chuyển tử ư giang hồ gian. Dư xuất quan nhị niên điền nhiên tự an, cảm tư nhân ngôn, thị tịch, thuỷ giác hữu thiên trích ý, nhân vi trường cú ca dĩ tặng chi, phạm lục bách nhất thập lục ngôn, mệnh viết Tỳ bà hành.

Năm Nguyên Hoà thứ 10, ta về giữ chức Tư Mã ở quận Cửu Giang. Qua mùa thu năm sau, đêm ra tiễn khách bên bến sông Bồn, chợt nghe thuyền ai có tiếng đàn tỳ bà vọng lại. Nghe trong tiếng đàn thánh thót, âm vang điệu nhạc ở kinh đô. Bèn hỏi gốc gác. Người đàn bà trả lời rằng "Tôi vốn là con hát, quê ở Trường An, học đàn tỳ bà với hai danh sư Mục và Tào. Nay tuổi đã cao, nhan sắc tàn tạ, lấy chồng làm con buôn (thường theo thuyền buôn đi đây đi đó)". Nghe vậy, cho dọn rượu ra đãi, xin nàng đàn lại cho nghe. Đàn xong cảm xúc vô vàn, nàng bèn kể lại cuộc đời mình từ lúc còn trẻ, vui sướng, cho tới lúc lưu lạc giang hồ khổ nhọc. Ta về đây làm quan đã được hai năm thanh thản yên ổn. Hôm nay nghe nàng này nói chuyện, cảm thương cho số phận lưu đầy! Bèn làm một bài thơ dài tặng nàng ta, gồm 616 lời, gọi là Tỳ bà hành.

Nội Dung



Tầm Dương giang đầu dạ tiễn khách
Phong diệp dịch hoa thu sắc sắc
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền
Cử tửu dục ẩm vô quản huyền
Tuý bất thành hoan thắm tương biệt
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt
Hốt văn thủy thượng tỳ tỳ thanh
Chủ nhân vọng quy khách bất phát

***Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đều hiu
Người xuống ngựa khách dừng chèo
Chén quỳnh mong cạm nhớ chiều trúc ti***

**Say những luống ngại chi chia rẽ
Nước mênh mông đượm vẻ gương trong
Đàn ai nghe vắng bên sông
Chủ khuây khoả lại khách dùng dằng xuôi**



Tầm thanh âm vấn đàn giả thủy
Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì
Di thuyền tương cận yêu tương kiến
Thiên tửu hồi đăng trùng khai yến
Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai
Do bảo tỳ bà bán già diện
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình

**Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá
Dừng dây tơ nắn ná làm thỉnh
Dời thuyền ghé lại thăm tình
Chong đèn thêm rượu còn dành tiệc vui**

**Mời mọc mãi thấy người bờ ngõ
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa
Vận đàn mấy tiếng dạo qua
Dấu chưa nên khúc tình đà thoảng hay**



Huyền huyền yểm ức thanh thanh tứ
Tự tổ bình sinh bất đắc chí
Đê mi tín thủ tục tục đàn
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự
Khinh lung mạn nhiên mặt phục khiêu
Sơ vi Nghê thường hậu Lục yêu
Đại huyền tào tào như cấp vũ
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ

**Nghe nảo nuốt mấy dây buồn bực
Dường than niềm tẩm tức bấy lâu
Mây chau tay gảy khúc sầu**

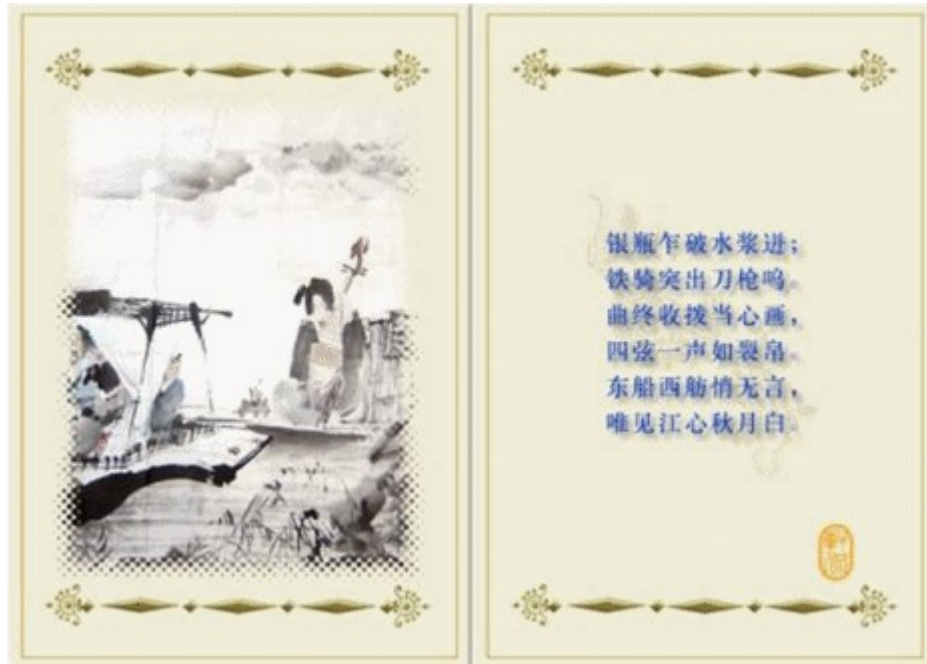
***Dãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn
Ngón buông bắt khoan khoan dìu dặt
Trước Nghê thường sau thoát Lục yêu
Dây to đường đồ mưa rào
Nỉ non dây nhỏ khác nào chuyện riêng***



Tào tào thiết thiết thác tạp đàn
Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn
Gian quan oanh ngữ hoa để hoạt
U yết tuyên lưu thủy hạ than
Thủy tuyên lãnh sáp huyền ngưng tuyết
Ngưng tuyết bất thông thanh tiệp yết
Biệt hữu u sâu ám hận sinh
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh

***Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gảy
Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu
Trong hoa oanh ríu rít nhau***

Nước tuôn róc rách chảy mau xuống ghềnh
Nước suối lạnh dây mảnh ngừng đứt
Ngừng đứt nên phút bật tiếng tơ
Ôm sầu mang giận ngẩn ngơ
Tiếng tơ lặng ngắt bây giờ càng hay



Ngân bình sạ phá thủy tương bính
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh
Khúc chung thu bát đương tâm hoạch
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch
Đông thuyền tây phảng tiếu vô ngôn
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch

Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước
Ngựa sắt giông xô xát tiếng đao

***Cung đàn tròn khúc thanh tao
Tiếng buồn xé lụa lụa vào bốn dây
Thuyền mấy lá đông tây lạnh ngắt
Một vầng trăng trong vắt lòng sông***



Trầm ngâm phóng bát sáo huyền trung
Chỉnh đốn y thường khởi liễm dung
Tự ngôn bản thị kinh thành nữ
Gia tại Hà Mô lãng hạ trú
Thập tam học đắc tỳ bà thành
Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ
Khúc bãi tàng giao thiện tài phục
Trang thành mỗi bị Thu Nương đổ

***Ngậm ngùi đàn bát xếp xong
Áo xiêm khép nép hầu mong giải lòi***

**Rằng xưa vốn là người kẻ chợ
 Côn Hà Mô trước ở lân la
 Học đàn từ thuở mười ba
 Giáo phường đệ nhất chỉ đà chép tên
 Gã thiện tài so phen từng khúc
 Ả Thu Nương ghen lúc điểm tô**



Ngũ Lăng niên thiếu thanh triền đầu
 Nhất khúc hồng tiêu bất tri số
 Diễn đầu ngân tì kích tiết toái
 Huyết sắc la quần phiến tửu ố
 Kim niên hoan tiếu phục minh niên
 Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ
 Đệ tẩu tòng quân a di tử
 Mộ khứ triêu lai nhan sắc cố

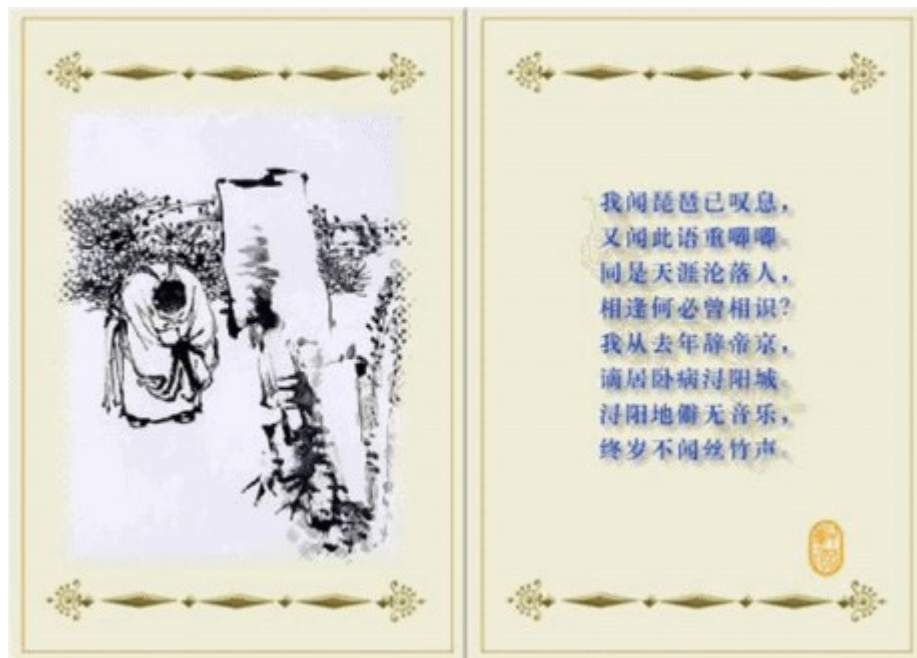
Ngũ Lăng chàng trẻ gan đua

Biết bao thê thảm chuốc mua tiếng đàn
Vành lược bạc gãy tan dịp gõ
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi
Năm năm lần lửa vui cười
Mãi trắng hoa chẳng đoái hoài xuân thu
Buồn em trả lại lo dì thác
Sầu hôm mai đổi khác hình dong



Môn tiền lãnh lạc xa mã hy
 Lão đại giá tác thương nhân phụ
 Thương nhân trọng lợi khinh biệt ly
 Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ
 Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền
 Nhiều thuyền nguyệt minh giang thủy hàn
 Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự
 Mộng đề trang lệ hồng lan can

**Cửa ngoài xe ngựa vắng không
Thân già mới kết duyên cùng khách thương
Khách trọng lợi khinh đường ly khách
Mải buôn chè sớm tếp nguồn khơi
Thuyền không đậu bến mặc ai
Quanh thuyền trắng dải nước trôi lạnh lùng
Đêm khuya sức nhớ vòng tuổi trẻ
Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen**



Ngã văn tỳ bà dĩ thán tức
Hựu văn thử ngữ trùng tức tức
Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân
Tương phùng hà tất tăng tương thức
Ngã tòng khứ niên từ đế kinh
Trích cư ngoạ bệnh Tâm Dương thành

Tầm Dương địa tích vô âm nhạc
Chung tuế bất văn ty trúc thanh

***Nghe đàn ta đã chạnh buồn
Lại rầu nghe nổi nỉ non mấy lời
Cùng một lúa bên trời lặn đặng
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau
Từ xa kinh nguyệt bấy lâu
Tầm Dương đất trịch gói sầu hôm mai
Chốn cùng tịch lầy ai vui thích
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm***



Trú cận Bồn giang địa thế thấp
Hoàng lô khổ trúc nhiễu trạch sinh
Kỳ gian đán mộ văn hà vật
Đỗ quyên đề huyết viên ai minh

Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ
Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh
Khởi vô sơn ca dữ thôn địch

Sông Bồn gần chốn cát lằm
Lau vàng trúc võ âm thâm quanh hiên
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối
Cuốc kêu sầu vượn hót véo von
Hoa xuân nở nguyệt thu tròn
Lần lần tay chuốc chén son ngập ngừng
Há chẳng có ca rừng địch nội



Âu á triêu triết nan vi thánh
Kim dạ văn quân tỳ bà ngữ
Như thánh tiên nhạc nhĩ tạm minh
Mạc từ cánh toạ đàn nhất khúc

Vị quân phiên tác Tỳ bà hành

***Giọng líu lo buồn nổi khó nghe
Tỳ bà nghe dạo canh khuya
Dường như tiên nhạc gần kề bên tai
Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca***



Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập
Khước toạ xúc huyền huyền chuyển cấp
Thê thê bất tự hương tiền thanh
Mãn toạ trùng văn giai yểm khắp
Toạ trung khắp hạ thủy tối đa
Giang Châu tư mã thanh sam thấp

Bạch Cư Dị.

***Đứng lâu dường cảm lời ca
Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây
Nghe nào nuốt khác tay đàn trước
Khấp tiệp hoa suốt mướt lệ rơi
Lệ ai chan chứa hơn người
Giang Châu tư mã đượm mùi áo xanh***

Phan Huy Thực dịch

Lại thêm một tư liệu về người dịch “Tỳ bà hành” của Bạch Cư Dị

Nguồn: Báo Văn nghệ Trẻ số ra ngày 18.3.2007, bản điện tử talawas.

Gần đây do một sự tình cờ chúng tôi phát hiện được một bài viết có nhan đề “Tỳ bà hành bạt” chép chung trong cuốn *Nam phong giải trào* ở Thư viện Quốc gia (R1674). Bài dài khoảng 450 chữ. Sau lời bạt là nguyên văn chữ Hán bài “Tỳ bà hành” của Bạch Cư Dị và lời dịch ra quốc âm. Đáng chú ý là bài viết có ghi cụ thể dòng lạc khoản “Minh Mệnh thập nhị niên ngô nguyệt trung hoán. (Hà ái) Nhâm Ngọ Hội nguyên Tiến sĩ Hình bộ Thị lang sung biện Nội các sự vụ Phương Trạch Hà Tôn Phủ cẩn bạt”. Hà Tôn Phủ chính là Hà Tông Quyền bạn đồng liêu với dịch giả bài *Tỳ bà hành* mà ở đoạn đầu lời bạt ông đã giới thiệu dịch giả là “Cựu Bộ trưởng Xuân Khanh” (Tên hiệu Phan Huy Thực).

Hà Tông Quyền (1789-1893) quê huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây, đỗ Hội nguyên năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), lúc nhỏ đi học nổi tiếng thông minh, làm quan đến chức Lại bộ Tham tri, Sung đại thần Viện cơ luật, khi mất được truy tặng Thượng thư bộ Lại. Ông là một nhà khoa bảng nổi tiếng văn chương, được các sĩ phu đương thời ca ngợi. Ngoài thơ chữ Hán ông còn để lại 30 bài vịnh Kiều bằng chữ Nôm hưởng ứng cuộc thi vịnh Kiều do Minh Mệnh đề xướng năm 1830. Ông được Minh Mệnh tin dùng và thường xuyên được vào bái kiến nhà vua.

Trong lời bạt ông ca ngợi và đánh giá cao bài dịch “Tỳ bà hành” của họ Phan, đồng thời ông cũng nêu lên quan điểm về dịch thuật của mình là không nên quá chú trọng về mặt kỹ xảo mà làm sai lạc nội dung của nguyên tác. Qua lời bạt chúng ta còn được biết thêm về thời điểm ra đời của bản dịch (trước năm 1831).

Thực ra từ trước tới nay đã có nhiều người đề cập đến dịch giả bài “Tỳ bà hành” nổi tiếng của Bạch Cư Dị. Ngay từ năm 1926 Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến cũng đã thông báo trên tạp chí *Nam Phong*

dịch giả “Tỳ bà hành” là Phan Huy Thực. Tiếp đó Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Ly, Trương Linh Tử và sau này Phạm Văn Diêu, Tạ Ngọc Diển, Hoàng Thị Ngọc cũng khẳng định như vậy. Khi viết về dòng họ Phan Huy ở Sài Sơn, GS. Phan Huy Lê cho biết gia phả họ Phan ở Thạch Châu và Sài Sơn đều chép thống nhất người dịch “Tỳ bà hành” là Phan Huy Thực. Chúng tôi cũng đã được đọc cuốn *Phan tộc công phả* hiện đang lưu giữ ở Thư viện Quốc gia (A2963) do Phan Huy Dũng - cháu nội Phan Huy Thực biên tập, trong đó có ghi tóm tắt tiểu sử 6 người con của Phan Huy Ích. Trong đoạn nói về Phan Huy Thực, gia phả có ghi rõ các trước tác của ông như: *Hoa thiều tạp vịnh, Tỳ bà hành diễn âm khúc, Nhân ảnh vấn đáp...* Riêng đối với Phan Huy Vịnh thì gia phả không hề nói đến việc ông dịch “Tỳ bà hành”.

Như vậy gia phả họ Phan Huy là nguồn tư liệu duy nhất đáng tin cậy để xác định người dịch *Tỳ bà hành* và đồng thời cũng để đính chính những ngộ nhận lâu nay được gán ghép cho Phan Huy Vịnh. Sở dĩ có sự nhầm lẫn kéo dài có lẽ là do nguồn tư liệu của Trần Trung Viên trong cuốn *Văn đàn bảo giám* (soạn năm 1926) và nhất là cuốn *Thi văn hợp tuyển* dùng trong các trường trung học trước năm 1945 đã có ảnh hưởng sâu rộng trong giới học sinh lúc bấy giờ. Hai cuốn sách này gần đây đã được in lại vài ba lần nhưng vẫn không được đính chính, ngay cả bộ *Từ điển văn học* 2 tập in năm 1983-1984 cũng ghi Phan Huy Vịnh là người dịch “Tỳ bà hành” và Phan Huy Thực không có tên trong bộ *Từ điển* này (Cuốn *Từ điển văn học* bộ mới in năm 2004 đã có đính chính và bổ sung). Vì đã thành thói quen nên những cuốn sách mới gần đây như *Thơ Đường trong nhà trường* dùng cho học sinh Trung học, sinh viên và người yêu thích thơ Đường hoặc cuốn *Bạch Cư Dị - Tỳ bà hành* của Hồ Sỹ Hiệp tập hợp những bài viết của nhiều nhà nghiên cứu và cuốn *Thơ Bạch Cư Dị* của NXB Hội Nhà văn vừa mới in xong trong quý IV-2006, vẫn để tên người dịch là Phan Huy Vịnh.

Để góp thêm một minh chứng cho vấn đề này, chúng tôi xin giới thiệu toàn văn lời bạt của Hà Tông Quyền cho bài dịch “Tỳ bà hành” của Phan Huy Thực.

Lời bạt cho bài dịch “Tỳ bà hành”

“Tỳ bà hành” là tác phẩm của Bạch Lạc Thiên, các sĩ phu nước ta rất hâm mộ và đã diễn ra quốc âm, nhưng vì lời văn dài mà ngôn ngữ lại có phần mới nên đôi khi vẫn gặp những chỗ khó dịch và người dịch thường giữ lấy ý chính mà lại bỏ qua nhiều chi tiết trong nguyên bản. Khi dịch một bài văn nếu chỉ chú ý về mặt kỹ xảo (câu công) mà không bám sát nội dung của nguyên tác thì có khác gì “gãi không đúng chỗ ngứa” và thử hỏi như vậy đã phải là người hiểu được thi sĩ họ Bạch chưa?

Khi tôi tiếp xúc với bài diễn âm của cựu Bộ trưởng Xuân Khanh họ Phan, tiên sinh bảo: Đó là bài tôi dịch ra đấy. Khi xem tôi thấy lời dịch bám sát nội dung, từng chữ từng câu rậm rạp không sai mà âm vận thì lại vừa khoan thai vừa hùng tráng. Tôi đã ngâm nga, đọc đi đọc lại nhiều lần và rất lấy làm tâm đắc tưởng như đang được tiếp xúc với thi nhân cự phách đời Đường - người đang bị biếm trích ở đất Giang Châu trước cảnh thê lương của hơi thu và lau lách đìu hiu để tạo nên một thiên tuyệt bút, như đang được chứng kiến cảnh:

“ Bình bạc vỡ tuôn đầy mặt nước

Ngựa sắt dong sà sạt tiếng đao”^[1]

Tiên sinh đã diễn ra quốc âm trong lúc chưa gặp vận còn đang phải ẩn náu nơi sơn dã, chẳng khác cảnh sông Bồn và đã mượn chén rượu của người khác để giải nỗi sầu riêng, nếu không phải là người có thiên tư và chịu ảnh hưởng truyền thống học vấn của gia đình thì làm sao mà có được? Tiên sinh vốn sở trường về văn chương, thanh luật, nên âm vận trong câu dịch hài hoà toát lên cảnh phong lưu tao nhã, xứng đáng cùng với Lạc Thiên là những bậc hào hoa một thửa. Có những chỗ Lạc Thiên chưa diễn đạt hết thì tiên sinh lại dùng thanh âm mà giải bày một cách tường tận.

Tôi thô vụng và quê mùa, không biết được nhiều, nhưng bề trên đã bảo, tôi không dám từ nan, bèn mạo muội viết ra lời bạt này và nếu như tác phẩm của tiên sinh nổi tiếng thì tôi cũng được thơm lây và cũng coi như được dự buổi tiễn đưa trong đêm trăng trên bến Tầm Dương để được cùng chia sẻ nỗi niềm u hoài của kẻ cô thân khoáng phụ, như thế còn gì sung sướng cho hơn, chắc tiên sinh

cũng không cười tôi là kẻ ngông cuồng và Bạch Lạc Thiên cũng sẽ thông cảm cho tôi.

Trung tuần tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 12 (Hạ ái) Nhâm Ngọ Hội nguyên Tiến sĩ Hình bộ Thị lang sung biện Nội các sự vụ Phương Trạch Hà Tồn Phủ cần bạt.

*

Qua lời bạt ta thấy Hà Tông Quyền đánh giá rất cao bài dịch của Phan Huy Thực. Trước Phan Huy Thực cũng đã có người dịch “Tỳ bà hành”. Trên tạp chí *Văn học* số 4/1975, Trần Thị Bằng Thanh cho biết đã tìm được một bản dịch chép trong cuốn *Thạch Động tiên sinh thi tập*. Sau Phan Huy Thực, Phan Văn Ái cũng dịch “Tỳ bà hành” thành hai bài: một bài theo thể thất ngôn trường thiên, một bài theo thể thất ngôn bát cú. Trên tạp chí *Nam Phong* thỉnh thoảng cũng có sưu tầm được một vài bài dịch không đề tên người dịch. Tuy nhiên những bài xuất hiện trước và sau bản dịch của Phan Huy Thực đều không có mấy tiếng vang và đã nhanh chóng bị quên lãng. “Tỳ bà hành” được phổ biến rộng rãi và xem như một di sản văn học quý giá của Việt Nam chủ yếu là thông qua bản dịch của Phan Huy Thực. Nghệ thuật hát ca trù tồn tại đã lâu đời và từ khi có bài dịch “Tỳ bà hành” của Phan Huy Thực thì nó đã lan nhanh và đã trở thành một điệu hát trữ tình, giàu chất thơ, nhạc điệu, làm phong phú và bổ sung thêm cho hàng chục làn điệu ca trù khác trong các ca quán thời xưa. Những người mê ca trù trước đây thường thuê thuyền đón ả đào hát “Tỳ bà hành” trong những đêm trăng huyền ảo để thưởng thức và làm sống lại nguồn cảm xúc của nhà thơ với người ca nữ trên bến nước Tầm Dương.

“Tỳ bà hành” không những là nguồn cảm hứng cho những nhà Nho tài tử và các bậc tao nhân mặc khách trước đây như Nguyễn Công Trứ, Chu Mạnh Trinh... mà cả những thi nhân hiện đại cũng mượn trăng nước Tầm Dương đưa vào tác phẩm của mình. Nhà thơ tình Xuân Diệu thì “*Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người*” hoặc “*Mắt run mờ kỹ nữ thấy sông trôi*”, Vũ Hoàng Chương cũng than “*Niềm giang hồ tan tác lệ Giang Châu*”, nữ sĩ Ngân Giang thì “*Bến Tầm Dương trăng nước một con thuyền, ngán tình ca nữ*” và nhà thơ

chân quê Nguyễn Bính thì dành Cây đàn tì bà cho một chuyện thơ dài.

Bài dịch “Tỳ bà hành” của Phan Huy Thực là một kiệt tác đã có những câu thần bút làm say đắm bao thế hệ các nhà thơ. Xuân Diệu cũng đã phải thốt lên: *“Ai đã đọc bản dịch ‘Tỳ bà hành’ quên những đoạn nào thì quên, thậm chí nếu quên cả bài, thì bốn câu mở đầu cũng không quên được”*.

Bốn câu mở đầu đó là:

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách

Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu

Người xuống ngựa khách dừng chèo

Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc ti

Nguyễn Hiến Lê cũng có nhận xét như sau khi ông so sánh mấy câu trên đây với câu thơ của Bạch Cư Dị:

“Mới đầu chúng ta thấy có cái gì khác nhau, mặc dù cũng bảy chữ và bản dịch rất sát nguyên bản: *Tầm Dương giang đầu dạ tống khách* không buồn, không vắng vẻ, không mông lung bằng *Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách*. Tôi có cảm tưởng như vậy, có lẽ do chữ *dạ* dịch ra là *canh khuya*. *Dạ* (đêm) không gợi ý nhiều bằng *canh khuya*. Tài năng của họ Phan, tinh thần của tiếng Việt ở chỗ đó.

Đọc câu thơ thứ hai: *Phong diệp tịch hoa thu sắt sắt* và câu dịch *Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu* thì câu của họ Phan làm tôi rung động hơn nhiều nhờ những chữ *lau lách đìu hiu*, cả chữ *quạnh*, chữ *hơi* nữa, vì tôi thấy *lau lách* buồn hơn *tịch hoa*; *hơi thu*, *đìu hiu* gợi cảm hơn là *thu sắt sắt*.

Bài dịch “Tỳ bà hành” của Phan Huy Thực là một tác phẩm toàn bích, và có lẽ cũng vì thế mà Tản Đà tài hoa cũng không dịch lại bài này và nhà thơ đã chọn một bài trường thiên nổi tiếng khác của Bạch Cư Dị là bài “Trường hận ca” và ông cũng đã thành công.

(Tác giả hiện làm việc tại Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.)

[1] Lấy hai câu dịch của Phan Huy Thực để diễn đạt ý "ngân bình thiết kỵ".